

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ QUAO  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 30/2019/HSST  
Ngày: 26-7-2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Hoài Thanh**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Lương Thị Hồng Hạnh**;
2. Bà **Vũ Thị Đào**.

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Nghĩa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Hoài Khanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2019/HS-ST, ngày 14 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

**1/. Danh M**, sinh năm 1994 tại G, K;

Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: Không biết chữ; con ông Danh **Ch** - sinh năm 1972 và bà Thị **H** - sinh năm 1967; chưa có vợ; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị Cơ quan Công an huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/01/2019 đến nay; hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Gò Quao.

**2/. Danh S**, sinh ngày 15/9/2000, tại G, K;

Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: Không biết chữ; con ông Danh **D** - sinh năm 1971 và bà Thị **B** - sinh năm 1971; chưa có vợ; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị Cơ quan Công an huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/01/2019 đến nay; hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Gò Quao.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo Danh M và Danh S:** Bà Trần Thị **Kh** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang theo Quyết định số 56/QĐ-TTGPL, ngày 15/02/2019 (có mặt);

**- Bị hại:**

Bà Thị **B1**, sinh năm: 1975 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bà Dương Thị **Đ1**, sinh năm: 1961 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Danh **S1**, sinh năm: 1968 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang

Ông Trần **H1**, sinh năm: 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

**- Người làm chứng:**

Anh Danh **Nh**, sinh ngày: 8/8/2003 (vắng mặt).

Anh Danh **Đ2** (tên gọi khác **Đ3**), sinh năm 1998 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Anh Danh **H2** (tên gọi khác **U**), sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Anh Trần **L**, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang

Chị Thị **K**, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 31/01/2018, Danh M, Danh S và Trần **L** cùng ngồi uống cà phê ở khu vực cầu R xã Đ, huyện G. Tại đây Danh M rủ **L** và S đến nhà bà Thị **B1** để lấy tài sản, **L** gọi điện thoại rủ Danh **Đ1** (**Đ2**) cùng đi, **Đ1** đồng ý nên điều khiển xe gắn máy đến quán cà phê gặp **H2** và rủ **H2** đi cùng. Sau khi bàn bạc tất cả đồng ý cùng đi đến nhà bà Thị **B1** để lấy tài sản, M kêu **L** về nhà lấy vỏ máy do đường bộ khó đi. Tất cả đến nhà **L** lấy vỏ máy, lúc này **L** lấy một cây dao tự chế, một cây dao thái lan cán bằng gỗ và một cây nhựa dẻo màu trắng, M kêu **Đ1** đi mua khẩu trang y tế. Sau khi chuẩn bị xong tất cả xuống vỏ máy do **L** điều khiển chạy đến nhà bà Thị **B1** trú tại ấp An Trường, xã Định An, huyện Gò Quao đậu cách nhà bà Bô khoảng 100m. Sau khi đậu vỏ xong cả nhóm 05 người đi lên bờ đi bộ đến nhà bà Thị **B1**, M cầm dao tự chế đi vào trước, **Đ2** cầm cây nhựa dẻo đi phía sau, **H2** cầm cây dao Thái Lan nhưng bị làm rơi dưới vỏ nên khi đi cũng nhặt một đoạn tre dài khoảng 70 - 80cm cầm trên tay đi vào nhà, lúc này bà **B1** đang ở ngoài hàng ba nhà, M hỏi bà **B1** “Thằng **L** có nhà không?”, bà **B1** trả lời “không, có chuyện gì nói với tôi đi”, M nói tiếp, kêu ông **S1** ra đây! bà **B1** nói “ông say rồi, kiếm ông có gì không”. M, **Đ2** mới nhào đến dùng tay đẩy bà **B1** vào trong nhà nhưng bà **B1** không chịu đi, **H2** mới dùng cây đánh vào vai bà **B1**, ông Danh **S1** chồng bà **B1** thức dậy chạy ra hỏi có chuyện gì thì Danh **S** cầm khúc tre chạy đến đánh vào người ông **S1**, M kêu dí đừng cho nó chạy. **S**, **L** rượt theo làm cho ông **S1** và con trai Danh **T** bỏ chạy. M, **Đ2** tiếp tục đẩy bà **B1** vào trong nhà đến chỗ tủ áo bằng gỗ kê dao vào người bà **B1**, **Đ2** thì cầm khúc nhựa dẻo quơ qua, quơ lại đe dọa

bà B1 yêu cầu lấy tiền vàng mang ra và cả chìa khóa kết sắt, bà B1 bảo không có tiền thì M đe dọa sẽ dùng dao chém đứt cánh tay của bà B1, bị đe dọa bà B1 mới mở tủ áo lục lấy chìa khóa kết sắt thì rút ra cọc tiền 10.000.000 đồng, M liền giật lấy tiền đưa cho Đ2 cầm. Khi bà B1 mở kết sắt ra thì M giật lấy chiếc túi bọc nylon màu đỏ đưa cho Đ2 cầm, bà B1 yêu cầu đừng lấy giấy tờ do làm lại khó lắm, Đ2 mới đồ giấy tờ ra lấy chiếc bọc bỏ tiền vào, M tiếp tục hỏi vàng đâu thì bà B1 mới lấy chiếc hộp giấy đưa cho M bên trong có 15 chỉ vàng 18K; 14 chỉ vàng 24K đồ vào túi nylon do Đ2 cầm, M tiếp tục lấy trong kết sắt 10.000.000 đồng cất giữ riêng trong người. Sau khi lấy xong tài sản, M ôm bà B1 lại, Đ2 kéo tay ra phía sau cho H2 lấy dây điện có sẵn trói tay lại, sau đó M kêu tất cả rút, ra khỏi nhà Đ2 mới khóa cửa lại và vứt bỏ chìa khóa ra sân. Danh M, Danh S, Danh Đ2, Trần L và Danh H2 mới xuống võ máy chạy về nhà L, tại đây cả 05 lấy cọc tiền 10.000.000 đồng ra chia đều, vàng thì giao cho Đ2 cất giữ.

Đến sáng ngày 01/02/2018, Đ2 và M đi đến các tiệm vàng ở huyện Giồng Riềng, Châu Thành và Rạch Sỏi để bán số vàng vừa cướp được mang tiền về tiếp tục chia đều cho đồng bọn. Mỗi người nhận được số tiền khoảng 19.000.000 đồng, ngoài ra L còn cất giữ 01 đôi bông tay và 01 mặt dây chuyền hình ông địa làm bằng đá cẩm thạch, Danh M còn chiếm đoạt cá nhân 01 cọc tiền 10.000.000 đồng không chia cho ai. Danh Nh là bạn của Danh Đ2 và Trần L cũng được L và Đ2 cho 1.000.000 đồng. Số tiền cướp có được các bị cáo đã sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân và mua sắm tài sản đã được cơ quan điều tra thu giữ.

Đối với bị cáo Danh M, trong quá trình điều tra bị cáo còn khai nhận vào ngày 04/4/2013 M còn thực hiện hành vi trộm cắp số tiền là 57.000.000 đồng của bà Dương Thị Đ1 tại ấp An Trường, xã Định An, huyện Gò Quao để đánh bạc thua hết 25.000.000 đồng, số còn lại M và Kh chia nhau tiêu xài mỗi người là 16.000.000 đồng.

Vật chứng trong vụ án:

- 01 thẻ vàng miếng ký hiệu Rồng vàng 999, có trọng lượng 01 chỉ;
- 01 đôi hoa tai kiểu nút vặn, mặt trước hình tròn, loại vàng 24k, có trọng lượng 01 chỉ;
- 01 lắc khoen lật có trọng lượng 05 chỉ, loại vàng 24k;
- 01 sợi dây chuyền kiểu khoen lật có trọng lượng 05 chỉ vàng 24k, mặt dây chuyền kiểu trái tim trọng lượng 01 chỉ vàng 24k;
- 01 nhẫn tròn có trọng lượng 02 chỉ, loại vàng 24k;
- 01 sợi dây chuyền vàng kiểu dây xích, có trọng lượng 05 chỉ, loại vàng 18k, mặt dây chuyền hình ông địa;
- 01 sợi dây chuyền kiểu hình dẹp dính liền, có trọng lượng 04 chỉ, loại vàng 18k, mặt dây chuyền cần đá màu xanh, viền vàng xung quanh;
- 01 tấm lắc vàng 18k, trọng lượng 03 chỉ;
- 01 nhẫn vuông cần hạt màu tím, loại vàng 18k, trọng lượng 02 chỉ;
- 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh, không rõ model và thời gian mua;

\* *Tại bản kết luận định giá tài sản số 14/2018/KL-HĐĐG ngày 25/3/2018 của hội đồng định giá huyện Gò Quao kết luận:*

- 01 thẻ vàng miếng ký hiệu Rồng vàng 999, có trọng lượng 01 chỉ, giá trị tại thời điểm 3.706.000 đồng;
- 01 đôi hoa tai kiểu nút vặn, mặt trước hình tròn, loại vàng 24k, có trọng lượng 01 chỉ, giá trị tại thời điểm 3.706.000 đồng;
- 01 lắc khoen lật có trọng lượng 05 chỉ, loại vàng 24k, giá vàng 3.706.000 đồng/chỉ, giá trị tại thời điểm 18.530.000 đồng;
- 01 sợi dây chuyền kiểu khoen lật có trọng lượng 05 chỉ vàng 24k, mặt dây chuyền kiểu trái tim trọng lượng 01 chỉ vàng 24k, giá trị tại thời điểm 22.236.000 đồng;
- 01 nhẫn tròn có trọng lượng 02 chỉ, loại vàng 24k, giá trị tại thời điểm 7.412.000 đồng;
- 01 sợi dây chuyền vàng kiểu dây xích, có trọng lượng 05 chỉ, loại vàng 18k, mặt dây chuyền hình ông địa, giá vàng 2.795.000 đồng/chỉ, giá trị tại thời điểm 13.975.000 đồng;
- 01 sợi dây chuyền kiểu hình đẹp dính liền, có trọng lượng 04 chỉ, loại vàng 18k, mặt dây chuyền cần đá màu xanh, viền vàng xung quanh, giá trị tại thời điểm 11.180.000 đồng;
- 01 tấm lắc vàng 18k, trọng lượng 03 chỉ, giá trị tại thời điểm 8.385.000 đồng;
- 01 nhẫn vuông cần hạt màu tím, loại vàng 18k, trọng lượng 02 chỉ, giá trị tại thời điểm 5.590.000 đồng;
- 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh, không rõ model và thời gian mua, giá trị mua nên không xác định giá trị còn lại của tài sản;

Tổng Cộng: 94.720.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 29/CT-VKSND-GQ, ngày 10/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao truy tố bị cáo Danh S về tội: “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự; bị cáo bị cáo Danh M tội: “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 168 và tội “trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội danh và đề nghị:

#### **Về trách nhiệm hình sự:**

- Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 168, điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Danh M từ 9 đến 10 năm tù về tội “Cướp tài sản” và 2 đến 3 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng Điều 55 BLHS tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Danh M phải chấp hành hình phạt chung từ 11 (mười một) đến 13 (mười ba) năm tù.

- Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Danh S từ 6 đến 7 năm tù.

**Về xử lý vật chứng:** Đã được xử lý tại bản án số 30/2018/HSST, ngày 18/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao nên không đề nghị.

**Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Đề nghị HĐXX buộc Danh M và Danh S tiếp tục bồi thường cho bà Thị B1 mỗi bị cáo số tiền là 22.944.000 đồng; Danh M phải bồi thường số tiền là 28.500.000 đồng cho bà Dương Thị Đ1; số còn lại của bà Dương Thị Đ1 sau khi bắt được Khsẽ buộc tiếp tục bồi thường.

**Trợ giúp viên bà Trần Thị Kh bảo chữa cho bị cáo Danh M và Danh S trình bày lời bào chữa cho các bị cáo:** Tôi thống nhất về tội danh và Điều luật mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn, dân tộc khmer, không biết chữ. Tại phiên tòa, các bị cáo luôn tỏ thái độ thành khai báo, ăn năn, hối cải.

Đối với bị cáo Danh M tự khai nhận về hành vi phạm tội trộm cắp tài sản nên đề nghị HĐXX xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Riêng bị cáo Danh S khi phạm tội là người chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Do đó, đề nghị HĐXX xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho người chưa thành niên phạm tội. Về mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị Danh M từ 9 đến 10 năm tội “Cướp tài sản” và 2 đến 3 năm tội “Trộm cắp tài sản” còn Danh S từ 6 đến 7 năm nên đề nghị HĐXX xem xét xử phạt đối với các bị cáo mức án nhẹ nhất của khung hình phạt để các bị cáo sớm trở về gia đình và làm lại cuộc đời.

Tại phiên tòa, các bị cáo Danh M và Danh S thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, không tranh luận nhưng xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

**[1]** Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Gò Quao, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa; bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**Về thủ tục tố tụng:** Tại phiên tòa người bị hại bà Thị B1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Danh S1, ông Trần H1 và người làm chứng anh Danh Đ2, anh Danh H2, anh Trần L, anh Danh Nh và chị Thị K vắng mặt nhưng bà B1, ông S1 có đơn xin vắng mặt; Hội đồng xét xử xét thấy ông H1, anh Nh, anh Đ2, anh L, anh H2 và chị K đã có lời khai đầy đủ liên quan đến nội dung vụ án ở giai đoạn điều tra nên sau khi xem xét Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bà B1, ông S1 ông H1, anh Nh, anh Đ2, anh L, anh H2 và chị K phù hợp với quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

**[2]** Tại phiên tòa các bị cáo Danh M và Danh S khai nhận khoảng 18 giờ ngày 31/01/2018, Danh M rủ Danh S và Trần L vào nhà bà Thị B1 cư ngụ tại ấp

An Trường, xã Định An lấy tài sản, Trần L đồng ý và rủ thêm Danh Đ2 và Danh H2 cùng đi. Sau khi về nhà Trần L lấy vỏ máy và chuẩn bị hung khí gồm dao tự chế, dao Thái lan và cây nhựa dẻo thì cả nhóm xuống vỏ máy đi đến nhà bà Thị B1. Khi đến nhà bà B1, M cầm dao tự chế xông vào nhà khống chế bà B1 cùng Danh Đ2 và Danh H2 buộc bà B1 giao tài sản gồm tiền và vàng có tổng giá trị là 113.720.000 đồng, trong lúc này thì Danh S và Trần L thì dùng cây đuổi đánh chồng và con bà B1 để trấn áp nhằm chiếm đoạt tài sản. Sau khi lấy được tài sản các bị cáo trói bà B1 lại bỏ trong nhà khóa cửa không cho ra rồi mới bỏ xuống vỏ về. Tài sản các bị cáo lấy được gồm tiền và vàng sau khi mang đi bán đã chia đều nhau tiêu xài cá nhân. Như vậy, hành vi dùng vũ lực làm cho bị hại lâm vào tình trạng không chống cự được để chiếm đoạt tài sản của bị hại có tổng giá trị 113.720.000 đồng của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản”.

**Tại điểm d, d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự quy định như sau:**

*“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:*

*d) Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác;*

*đ) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;”*

Ngoài ra, trong quá trình điều tra xác định vào ngày 04/4/2013 bị cáo Danh M cùng Kh thực hiện hành vi trộm cắp tài sản số tiền là 57.000.000 đồng của bà Dương Thị Đ1 tại ấp An Trường, xã Định An, huyện Gò Quao để đánh bạc thua hết 25.000.000 đồng, số còn lại M và Kh chia nhau tiêu xài mỗi người là 16.000.000 đồng. Như vậy, hành vi lén lút lấy trộm 57.000.000 đồng của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “trộm cắp tài sản”.

**Tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định như sau:**

*“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:*

*c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;”*

Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy đã đủ kết luận rằng hành vi của các bị cáo Danh M và Danh S đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d, d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và bị cáo Danh M tội “trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Lời buộc tội của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao là có căn cứ. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo Danh M và Danh S phù hợp với nội dung bản cáo trạng số 29/CT-VKSND-GQ, ngày 10/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao và lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng với các chứng cứ khác có trong hồ sơ mà quá trình điều tra thu thập được.

**[3] Về tính chất và mức độ phạm tội của từng bị cáo, xét thấy:**

Trong vụ án Cướp tài sản, qua xem xét cho thấy mặc dù đây là vụ án đồng phạm giản đơn nhưng có tính chất nghiêm trọng, mức độ thực hiện hành vi phạm tội một cách quyết liệt và táo bạo. Bị cáo Danh M rủ rê, là người thực hành vì bị cáo dùng dao khống chế bà B1 và lấy tài sản, giữ tài sản và đi bán tài sản cướp được đem về chia cho đồng bọn còn bị cáo Danh S là người giúp sức rất tích cực nên các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi của các bị cáo gây ra.

Các bị cáo Danh M và Danh S qua thẩm tra cho thấy các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện thông qua việc khống chế bị hại và nhanh chóng chiếm đoạt tài sản làm cho chủ tài sản không kịp có điều kiện ngăn cản việc chiếm đoạt này. Ngoài ra, bị cáo Danh M còn thực hiện hành vi lén lút lấy trộm số tiền là 57.000.000 đồng của bị hại Dương Thị Đ1 cùng với Kh. Các bị cáo đang ở tuổi lao động, đáng lẽ phải cố gắng lao động chân chính để tạo thu nhập chính đáng cho bản thân nhưng vì lười lao động, háo lợi mà các bị cáo đã cố ý chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo là nghiêm trọng xâm phạm đến tài sản của người bị hại và gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Do vậy, với hành vi phạm tội nêu trên, HĐXX nhận định cần có mức án tương xứng để răn đe, giáo dục các bị cáo, đồng thời nhằm ngăn ngừa chung cho xã hội.

**[4]** Xét về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

**[5]** Xét về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Danh M và Danh S chưa có tiền án, tiền sự; tại phiên tòa các bị cáo tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; mặc khác, các bị cáo là người dân tộc Khmer, không biết chữ nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Do đó, cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Riêng bị cáo Danh S khi phạm tội là người chưa thành niên nên cần áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội để quyết định hình phạt. Do đó, lời đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nghị án thảo luận xem xét hình phạt khi lượng hình để có mức án phù hợp với từng hành vi phạm tội của mỗi bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy xử các bị cáo một mức án theo như đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp, đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành một công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời cũng nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, về điều luật áp dụng, về hình phạt, về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự là có căn cứ nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Buộc Danh M và Danh S tiếp tục bồi thường cho bà Thị B1 mỗi bị cáo số tiền là 22.944.000đ (hai mươi hai triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng); Danh M phải bồi thường số tiền là 28.500.000đ (hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) cho bà Dương Thị Đ1; số tiền còn lại của bà Dương Thị Đ1 sau khi bắt được Kh sẽ buộc tiếp tục bồi thường.

**[6]** Về xử lý vật chứng: Đã được xử lý tại bản án số 30/2018/HSST, ngày 18/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao nên HĐXX không xem xét.

**[7]** Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do các bị cáo Danh M, Danh S là dân tộc khmer và có nơi cư trú tại ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh K, ngày 02/3/2018 của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang nên áp dụng khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho các bị cáo Danh M và Danh S.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

\* **Tuyên bố:** Bị cáo **Danh M** phạm tội “Cướp tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 168, điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Danh M 9 (chín) năm tù về tội “Cướp tài sản” và 2 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Danh M phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 11 (mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 30/01/2019.

Tuyên bố: Bị cáo **Danh S** phạm tội “Cướp tài sản”. Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Danh S 6 (Sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 30/01/2019.

\* **Về xử lý vật chứng:** Đã được xử lý tại bản án số 30/2018/HSST, ngày 18/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao nên HĐXX không xem xét.

\* **Về trách nhiệm dân sự:** áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc Danh M và Danh S tiếp tục bồi thường cho bà Thị B1 mỗi bị cáo số tiền là 22.944.000đ (hai mươi hai triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng); Danh M phải bồi thường số tiền là 28.500.000đ (hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) cho bà Dương Thị Đ1; số tiền còn lại của bà Dương Thị Đ1 sau khi bắt được Kh sẽ buộc tiếp tục bồi thường.

Kể từ ngày bà Thị B1 và bà Dương Thị Đ1 có đơn yêu cầu thi hành án mà Danh M và Danh S chưa trả đủ số tiền nêu trên thì Danh M và Danh S còn phải

chịu lãi suất theo mức lãi quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

**\* Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:** Do các bị cáo Danh M, Danh S là dân tộc khmer và có nơi cư trú tại ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh K là ấp đặc biệt khó khăn theo Công văn số 11/TGPL-PLDSĐĐ, ngày 02/3/2018 của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang nên áp dụng khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho các bị cáo Danh M và Danh S.

**\* Quyền kháng cáo:** Các bị cáo và người bị hại có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 26/7/2019.

Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Gò Quao;
- Chi cục THA huyện;
- Công an huyện;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS.

**Trần Hoài Thanh**